



qiáo zhuāng

乔装

verb · to pretend

Example Sentence

tā qiáo zhuāng chéng shāng rén hùn rù huì chǎng

他乔装成商人混入会场。

He disguised himself as a businessman and entered the venue.

Trace each character, then write the word on your own.

乔	乔	乔	乔	乔	乔	乔	乔	乔		
装	装	装	装	装	装	装	装	装	装	装
装	装	装	装							